

Đánh giá quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và kiến nghị hoàn thiện

Assessment of provisions on special investigative measures in the 2015 criminal procedure code and recommendation for complete

Nguyễn Sơn Phước

Khoa Luật, Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II

E-mail: nsphuoc@gmail.com

Tóm tắt: Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là một chế định hoàn toàn mới, lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chính vì vậy, nên không thể tránh khỏi một số điểm thiếu sót, hạn chế, mặc dù đây là một quy định có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự. Bài viết phân tích và đánh giá một số vấn đề lý luận, những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; quy định của một số quốc gia trên thế giới xoay quanh chế định này. Trên cơ sở đó, tác giả mạnh dạn đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhằm nâng cao hiệu quả tiến hành của các biện pháp này ở nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, luật tố tụng hình sự, giai đoạn điều tra

Abstract: The special investigative measures is a completely new institution, first regulated in the 2015 Criminal Procedure Code. Therefore, it is inevitable that some shortcomings and limitations cannot be avoided, even though this is an important provision in the resolution of criminal cases. The article analyzes and evaluates some theoretical issues, the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on special investigative measures; regulations of some countries around the world revolve around this institution. On that basis, the author boldly made some proposals to complete the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on special investigative measures to improve the effectiveness of these measures in Vietnam in the future.

Keywords: special investigative measures, criminal procedure law, investigation stage

Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 được Quốc hội ban hành ngày 27/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. So với BLTTHS năm 2003, bộ luật có hàng loạt điểm mới theo hướng dân chủ hơn, quy trách nhiệm rõ ràng hơn cho từng khâu của quá trình tố tụng. Một trong những nội dung quan trọng trong BLTTHS năm 2015 là các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

(ĐTTTĐB), được quy định với mục đích tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra (CQĐT) chủ động thu thập chứng cứ, đấu tranh hiệu quả với các tội phạm có tổ chức, phức tạp về ma túy, rửa tiền, tham nhũng, khủng bố trong tình hình hiện nay. Đây là một quy định không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với quá trình giải quyết vụ án hình sự, mà còn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn kinh

tế, chính trị, xã hội và yêu cầu của các thỏa thuận hợp tác quốc tế, bắt kịp xu thế chung của nền tư pháp hiện đại trên thế giới.

BLTTHS năm 2015 đã quy định hẳn một chương XVI (từ điều 223 đến điều 228) quy định sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB bao gồm 04 biện pháp là: (1) ghi âm bí mật, (2) ghi hình bí mật, (3) nghe điện thoại bí mật, và (4) thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

1. Khái niệm và đặc điểm của biện pháp ĐTTTĐB

Quy định về biện pháp ĐTTTĐB là một trong những điểm mới của BLTTHS năm 2015, nên hiện nay vẫn chưa có văn bản nào đưa ra được một khái niệm cụ thể về biện pháp ĐTTTĐB. Về mặt khoa học, chỉ có một vài công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm này ở quy mô các bài viết khoa học.

Chẳng hạn, tác giả Phạm Quang Phúc đồng nhất biện pháp ĐTTTĐB với biện pháp trình sát của ngành công an khi cho rằng: “*Biện pháp ĐTTTĐB là biện pháp trình sát có tính chất đặc thù, rõ nét nhất đó là tính chất bí mật*” [1]. Đây là một khái niệm khá ngắn gọn và đơn giản nhưng cũng phần nào thể hiện được bản chất của biện pháp ĐTTTĐB. Theo quan điểm này thì tính chất “bí mật” là đặc điểm rõ ràng nhất để phân biệt các biện pháp ĐTTTĐB với các hoạt động điều tra khác vốn mang tính công khai.

Tác giả Phan Văn Chánh lại đưa cho rằng: “*Biện pháp ĐTTTĐB là một trong các biện pháp điều tra tố tụng được các cơ quan chuyên trách trong lực lượng*

công an nhân dân và quân đội nhân dân tiến hành sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra nhằm áp dụng các biện pháp điều tra bí mật do BLTTHS quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án hình sự” [2]. Khái niệm này đã nêu được rõ ràng chủ thể áp dụng, thời điểm áp dụng và mục đích của việc áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB. Quan điểm này cũng đề cập đến tính bí mật như là một đặc điểm của BPĐTTĐB, tuy nhiên cách trình bày lại dễ khiến cho người đọc nhầm lẫn giữa hai khái niệm “biện pháp ĐTTTĐB” và “biện pháp điều tra bí mật” là hoàn toàn khác nhau.

Đồng tình với quan điểm của tác giả Phạm Văn Chánh, tác giả Lê Huỳnh Tân Duy cũng cho rằng: “*Biện pháp ĐTTTĐB là một trong các biện pháp điều tra do BLTTHS quy định được cơ quan chuyên trách trong công an nhân dân và quân đội nhân dân tiến hành một cách bí mật sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra nhằm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án*” [3]. Khái niệm này khá đầy đủ và chi tiết, tuy nhiên sẽ khiến cho người đọc dễ bị nhầm lẫn rằng biện pháp ĐTTTĐB cũng giống như các biện pháp điều tra thông thường, được áp dụng với tất cả các loại tội phạm, và chỉ khác ở chỗ là “được tiến hành một cách bí mật”.

Theo quan điểm cá nhân của tác giả bài viết, để làm rõ được khái niệm biện pháp ĐTTTĐB thì trước tiên cần phải

hiệu được yếu tố “đặc biệt” trong khái niệm này. Từ điển Tiếng Việt giải thích:

“Đặc biệt là tính từ có nghĩa là khác hẳn những trường hợp thông thường về tính chất, chức năng hoặc mức độ” [4]. Như vậy, có thể hiểu biện pháp ĐTTTĐB là các biện pháp điều tra được tiến hành trong quá trình TTTHS nhưng lại có tính đặc biệt, khác hẳn về tính chất so với các biện pháp điều tra khác quy định trong BLTTHS. Tính đặc biệt của biện pháp ĐTTTĐB thể hiện ở chỗ: những biện pháp này đều được tiến hành điều tra một cách bí mật, nhưng lại được công khai về chứng cứ thu thập được để phục vụ cho công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Mục đích áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB vừa để đảm bảo bí mật trong quá trình điều tra, vừa giúp quá trình thu thập chứng cứ diễn ra một cách khách quan, đối phó với những tội phạm có tính chất nghiêm trọng, thủ đoạn tinh vi. Một điểm cần phải chú ý là các biện pháp ĐTTTĐB có thể được tiến hành song song, kết hợp và hỗ trợ cho các hoạt động điều tra công khai khác của CQĐT. Các biện pháp ĐTTTĐB được áp dụng trong trường hợp việc áp dụng các hoạt động điều tra công khai thông thường khác vẫn chưa đủ để có thể thu thập được những thông tin, tài liệu phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ những nhận xét và đánh giá như trên, có thể đưa ra khái niệm biện pháp ĐTTTĐB như sau: “Biện pháp ĐTTTĐB là những biện pháp điều tra được quy định trong BLTTHS do các cơ quan có thẩm quyền tiến hành một cách bí mật sau khi khởi tố vụ án, mà chỉ có

thể áp dụng đối với những trường hợp tội phạm đặc biệt theo luật định, nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án hình sự”.

Nhìn chung, các biện pháp ĐTTTĐB mang những đặc điểm sau:

Thứ nhất, biện pháp ĐTTTĐB phải đảm bảo tính bí mật. Điểm đặc trưng cơ bản của biện pháp ĐTTTĐB là yếu tố bí mật, bao gồm bí mật về người tiến hành, bí mật về phương pháp tiến hành, bí mật về đối tượng áp dụng, bí mật về các thông tin, tài liệu có liên quan. Cụm từ “bí mật” luôn được các nhà làm luật đặt kèm theo sau tên gọi của các biện pháp cụ thể (ghi âm bí mật, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử) như một cách để nhấn mạnh tính chất đặc trưng này. Các biện pháp ĐTTĐB cho phép ghi nhận hình ảnh, âm thanh và những thông tin tài liệu khác một cách trọn vẹn mà vẫn đảm bảo được tính bí mật với đối tượng áp dụng và những người không liên quan trong quá trình TTTHS. Đây cũng chính là yếu tố “đặc biệt” của biện pháp ĐTTTĐB, là điểm khác biệt cơ bản giữa biện pháp ĐTTTĐB với các biện pháp điều tra tố tụng thông thường hay biện pháp điều tra trinh sát.

Thứ hai, biện pháp ĐTTTĐB ảnh hưởng trực tiếp đến quyền bí mật đời tư của cá nhân, bí mật hoạt động của cơ quan, tổ chức. Việc tiến hành các biện pháp như ghi âm bí mật, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử sẽ xâm phạm đến một số quyền

con người; quyền cơ bản của cá nhân; quyền và lợi ích của cơ quan, tổ chức, chẳng hạn như “quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình”, “quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác” được ghi nhận tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013. Chính vì lý do đó, nên các biện pháp ĐTTTĐB chỉ có thể được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt cụ thể, chứ không được tiến hành một cách phổ biến, rộng rãi giống các biện pháp điều tra thông thường như lấy lời khai, hỏi cung, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra. Những thông tin, tài liệu thu thập được từ các biện pháp ĐTTTĐB vì thế cũng có ảnh hưởng rất lớn đến những đối tượng bị áp dụng. Trong trường hợp những thông tin, tài liệu đó không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án hình sự thì các cơ quan có thẩm quyền phải có nghĩa vụ giữ bí mật về những thông tin, tài liệu đó, không để lộ thông tin gây ảnh hưởng đến đời tư của cá nhân, hoạt động của cơ quan, tổ chức bị áp dụng.

Thứ ba, chỉ có thể áp dụng biện pháp ĐTTTĐB trong những trường hợp đặc biệt theo luật định. Chính vì biện pháp ĐTTTĐB liên quan đến quyền bí mật đời tư cá nhân, bí mật của cơ quan, tổ chức, nên không thể áp dụng một cách tùy tiện, tràn lan. Hiện nay theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì biện pháp ĐTTTĐB chỉ có thể được áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền và các tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội

phạm đặc biệt nghiêm trọng [5]. Các biện pháp ĐTTTĐB sẽ tạo điều kiện cho CQĐT chủ động thu thập chứng cứ, xác định đối tượng tình nghi phạm tội trong quá trình điều tra các vụ án phức tạp, có tổ chức, đặc biệt nghiêm trọng; góp phần đấu tranh chống tội phạm, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh tội phạm.

2. Quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp ĐTTTĐB

BLTTHS năm 2015 là bộ luật đầu tiên của nước ta ghi nhận về chế định biện pháp ĐTTTĐB. Tuy nhiên khi xét về bản chất, trước đây những biện pháp này đã từng được đề cập với tên gọi là “biện pháp nghiệp vụ” hoặc “biện pháp nghiệp vụ trinh sát” trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chẳng hạn như: Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) [6], Luật An ninh quốc gia năm 2004 [7], Luật Công an nhân dân năm 2005 [8], Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 [9].

Nếu như các văn bản pháp luật trên chỉ đề cập về tên gọi thì BLTTHS năm 2015 đã quy định khá rõ ràng nhiều vấn đề liên quan đến biện pháp ĐTTTĐB. Việc các nhà làm luật dành hẳn một chương để quy định về các biện pháp ĐTTTĐB là một bước tiến bộ trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật TTHS của nước ta. những quy định về các biện pháp ĐTTTĐB là cần thiết, nhằm cụ thể hóa yêu cầu của hiến pháp năm 2013, tạo cơ sở pháp lý để thực thi các điều trong quy ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm hiện nay, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực

tiếp chứng minh tội phạm.

Nghiên cứu quy định của BLTTHS năm 2015 về các biện pháp ĐTTTĐB có một số nội dung đáng chú ý như sau:

2.1. Trường hợp được áp dụng

Theo quy định tại Điều 224 BLTTHS năm 2015 thì không phải tất cả các vụ án hình sự đều được phép áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB, mà các biện pháp này chỉ được áp dụng khi điều tra về các loại tội phạm sau: (1) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; (2) Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Việc quy định giới hạn các trường hợp áp dụng biện pháp ĐTTTĐB như trên là nhằm hạn chế việc sử dụng tràn lan và đảm bảo hiệu quả cao trong việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Các trường hợp được quy định đều là những loại tội phạm có tổ chức chặt chẽ, phương thức, thủ đoạn phạm tội và che dấu tội phạm hết sức tinh vi, xảo quyệt, đối tượng phạm tội thường ngoan cố, chống đối đến cùng, thiếu hợp tác với Cơ quan tố tụng dẫn tới các biện pháp điều tra tố tụng thông thường không mang lại hiệu quả.

2.2. Thời điểm áp dụng và thời hạn áp dụng

- *Về thời điểm áp dụng:* Xét về thời điểm bắt đầu, nếu như ngay ở giai đoạn khởi tố thì CQĐT đã có thể áp dụng một số biện pháp điều tra cơ bản, thì riêng các biện pháp ĐTTTĐB chỉ có thể được phép áp dụng trong quá trình điều tra, tức là sau khi đã có quyết định khởi tố

vụ án hình sự. Xét về thời điểm kết thúc, theo luận thông thường và căn cứ vào quy định của BLTTHS năm 2015 thì các biện pháp ĐTTTĐB sẽ chấm dứt khi giai đoạn điều tra kết thúc, tức là thời điểm CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra [10]. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB lại không đương nhiên chấm dứt khi kết thúc việc điều tra, mà tại Điều 228 BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể hơn về thủ tục chấm dứt áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Theo đó, việc chấm dứt phải dựa trên cơ sở quyết định hủy bỏ của Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng trong những trường hợp cụ thể.

Việc BLTTHS năm 2015 quy định rõ ràng thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc việc áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB như vậy là hoàn toàn hợp lý. Bởi lẽ nếu như áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự quá sớm, vì tại thời điểm này vẫn chưa có đủ những căn cứ để xác định vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm, nên quy định như vậy sẽ dễ dẫn đến sự lộn xộn trong việc áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB, xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp ghi nhận. Tương tự, trường hợp đã kết thúc giai đoạn điều tra mà vẫn tiếp tục áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB là không cần thiết, vì tại thời điểm này đã có thể thu thập được đầy đủ những chứng cứ quan trọng để có thể xác định tội phạm và người phạm tội.

- *Về thời hạn áp dụng:* Để hạn chế việc

lạm dụng hay áp dụng quá lâu gây ảnh hưởng tới đời tư của cá nhân, bí mật của cơ quan, tổ chức, Điều 226 BLTTHS năm 2015 đã quy định thời hạn áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB là không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn. Các biện pháp ĐTTTĐB chỉ được tiến hành ở gian đoạn điều tra, sau khi đã khởi tố vụ án, nên trong trường hợp vụ án phức tạp đòi hỏi cần thời gian để tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ thì có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của BLTTHS 2015. Luật không quy định cụ thể thời hạn gia hạn là bao nhiêu, mà chỉ giới hạn là việc gia hạn không quá thời hạn điều tra đã được quy định trong BLTTHS tương ứng với từng loại tội phạm. Bên cạnh đó, chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp ĐTTTĐB, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng CQĐT đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng VKS đã phê chuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn.

2.3. Thẩm quyền quyết định việc áp dụng và thẩm quyền thi hành quyết định việc áp dụng

- Về thẩm quyền quyết định việc áp dụng: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 225 BLTTHS năm 2015, thì thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB thuộc về Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu trở lên trong trường hợp: (1) tự xét thấy cần thiết phải áp dụng; hoặc (2) theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu. Điều luật cũng quy định thêm rằng trong trường hợp vụ

án do CQĐT cấp huyện, CQĐT quân sự khu vực thụ lý, điều tra thì Thủ trưởng CQĐT cấp huyện, Thủ trưởng CQĐT quân sự khu vực đề nghị Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định áp dụng.

Đối với các biện pháp điều tra thông thường như hỏi cung, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra,... sẽ do điều tra viên trực tiếp thụ lý vụ án chủ động tiến hành. Trong khi đó, đối với các biện pháp ĐTTTĐB thì phải do người đứng đầu CQĐT cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên quyết định việc áp dụng. Bởi lẽ như đã trình bày ở trên, biện pháp ĐTTTĐB trực tiếp ảnh hưởng đến quyền bí mật đời tư của cá nhân, bí mật hoạt động của cơ quan, tổ chức nên không thể áp dụng một cách tùy tiện. Việc các nhà làm luật quy định như vậy nhằm nâng cao trách nhiệm của những người lãnh đạo CQĐT, đảm bảo tính bí mật khi thi hành các biện pháp điều tra đặc biệt này.

Khoản 2 Điều 255 BLTTHS năm 2015 quy định nội dung của Quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB phải ghi rõ những thông tin cần thiết, bao gồm: đối tượng bị áp dụng, tên biện pháp được áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng, Cơ quan thi hành biện pháp ĐTTTĐB và các nội dung khác của văn bản tố tụng. Bên cạnh đó, Khoản 3 Điều 255 BLTTHS năm 2015 cũng nêu rõ, quyết định này chỉ được thi hành khi được Viện trưởng VKS cùng cấp phê chuẩn. Thủ trưởng CQĐT đã ra quyết định áp dụng có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp này, kịp thời đề

nghe Viện kiểm sát hủy bỏ nếu xét thấy không còn cần thiết.

Nhìn chung, các nhà làm luật đã quy định khá rõ về thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một điểm thiếu sót về mặt kỹ thuật lập pháp. Cụ thể là Khoản 1 Điều 225 BLTTHS năm 2015 chỉ mới đề cập tới Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu mà chưa đề cập tới Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân cấp tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương trong việc yêu cầu CQĐT cùng cấp áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Trong khi đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 BLTTHS năm 2015 thì CQĐT Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, CQĐT Viện kiểm sát quân sự Trung ương có chức năng điều tra các *tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ* quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy thì các quy định về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB tại Khoản 1 Điều 225 của BLTTHS năm 2015 lại chưa tương ứng, phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 163 về CQĐT Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, CQĐT Viện kiểm sát quân sự Trung ương. Do đó, cần phải khắc phục thiếu sót này để đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất giữa các quy định của Bộ luật. Nếu không quy định rõ ràng, sẽ dễ dẫn đến trường hợp nhầm lẫn khi cho rằng Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương

không có quyền yêu cầu Thủ trưởng CQĐT cùng cấp (thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng) quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB.

- *Về thẩm quyền thi hành quyết định việc áp dụng:* Khoản 3 Điều 226 BLTTHS năm 2015 quy định Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Như vậy, để đảm bảo thi hành biện pháp ĐTTTĐB, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân sẽ thành lập Cơ quan chuyên trách trực tiếp thi hành các biện pháp ĐTTTĐB. Cơ quan chuyên trách ở đây có thể được hiểu là đơn vị trình sát các cấp trong Công an Nhân dân, Quân đội nhân dân [11]. Các cơ quan chuyên trách được biên chế cán bộ kỹ thuật đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại đã được kiểm duyệt để ghi âm, ghi hình bí mật, nghe lén, điện thoại bí mật, thu thập dữ liệu điện tử bí mật.

Trong suốt quá trình thi hành các biện pháp ĐTTTĐB, Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu trở lên, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB phải giữ bí mật. Nếu những thông tin về việc tiến hành biện pháp ĐTTTĐB bị rò rỉ, lộ ra ngoài và đến được với đối tượng bị áp dụng trong vụ án hình sự sẽ khiến họ cảnh giác, tìm cách đối phó, tạo ra thông tin sai đánh lạc hướng Cơ quan tố tụng, hoặc có biểu hiện chống đối dẫn tới kiện tụng phiền hà. Bên cạnh đó,

Trong quá trình tiến hành các biện pháp này, Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT quân sự cấp quân khu trở lên phải thường xuyên kiểm tra và thông báo về thông tin, tài liệu thu thập được cho Viện trưởng VKS cùng cấp để thống nhất việc sử dụng, xử lý theo quy định tại Điều 227 BLTTHS năm 2015.

2.4. Việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng các biện pháp ĐTTTĐB

Tại Khoản 1 Điều 227 BTTHS năm 2015 đã quy định khá chi tiết về việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp ĐTTTĐB. Theo đó, những thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp ĐTTTĐB chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; ngoài ra, các thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời.

Những thông tin, tài liệu thu thập được từ biện pháp ĐTTTĐB có ảnh hưởng rất lớn, liên quan đến bí mật đời tư của cá nhân, bí mật của cơ quan, tổ chức. Do đó, Cơ quan tiến hành tố tụng và Cơ quan thi hành quyết định phải phân tích, đánh giá, chọn lọc những thông tin, tài liệu nào có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội, truy tìm đồng bọn, ngăn chặn đối tượng bỏ trốn, truy nguyên tài sản bị tội phạm chiếm đoạt...; đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin, tài liệu này với mục đích để phục vụ cho công tác giải quyết vụ án hình sự; còn những thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Liên quan đến vấn đề này, có ý kiến cho rằng quy định này còn cứng nhắc, vì trong thực tế có khả năng xảy ra một số trường

hợp tuy thông tin, tài liệu thu được từ biện pháp ĐTTTĐB không liên quan đến vụ án đang điều tra nhưng lại liên quan và có giá trị chứng minh đối với vụ án hình sự khác. Do đó, “nếu phải tiêu hủy mà không được sử dụng có thể bỏ lọt tội phạm, lãng phí thông tin và đi ngược lại với nguyên tắc Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải được xử lý nghiêm minh kịp thời” [12].

Bộ luật cũng nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác như là một cách nhân mạnh vai trò quan trọng của những thông tin, tài liệu, chứng cứ này trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, Bộ luật lại chưa quy định rõ hình thức kỷ luật, chế tài sẽ áp dụng đối với những chủ thể thi hành các biện pháp ĐTTTĐB trong trường hợp những chủ thể này sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác. Ngoài ra, cần phải bổ sung thêm một điều khoản quy định về trường hợp việc sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được gây ảnh hưởng đến an toàn của những người có liên quan, hoặc phát sinh hậu quả nghiêm trọng khác. Đối với những trường hợp này, cần áp dụng những biện pháp cần thiết để không làm lộ thân phận của những người có liên quan, các biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với họ, nhằm tăng cường tính bí mật khi áp dụng các biện pháp ĐTTTĐT và giữ an toàn cho những người có liên quan.

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 227 BLTTHS năm 2015 quy định rõ thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB có thể dùng

làm chứng cứ. Đây là nguồn chứng cứ mới hết sức quan trọng có giá trị trực tiếp chứng minh tội phạm và được sử dụng để giải quyết vụ án. Khoản 3 Điều 227 còn quy định CQĐT có trách nhiệm thông báo ngay kết quả việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB cho Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn, với mục đích nhằm phát huy vai trò kiểm sát trong hoạt động thi hành các biện pháp ĐTTTĐB và có cơ sở đánh giá chính xác việc áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB trong giải quyết vụ án còn cần thiết nữa hay không.

2.5. Về việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB

Điều 228 BLTTHS năm 2015 quy định Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong ba trường hợp sau: (1) Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền; (2) Có vi phạm trong quá trình áp dụng ĐTTTĐB; (3) Không cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp ĐTTTĐB.

Như vậy, trong suốt quá trình áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB, Thủ trưởng CQĐT đã ra quyết định áp dụng phải thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc thi hành hoặc không cần thiết phải áp dụng biện pháp ĐTTTĐB thì phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ biện pháp ĐTTTĐB để tránh gây ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình TTHS.

3. Quy định của một số nước trên thế

giới về biện pháp ĐTTTĐB

Đối với pháp luật quốc tế, biện pháp ĐTTTĐB đã được ghi nhận trong một số điều ước quốc tế mà tiêu biểu nhất là Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, nhằm tạo cơ sở pháp lý và đặt ra yêu cầu phải thực thi những cam kết cho các quốc gia thành viên.

Qua khảo sát những quy định của pháp luật TTHS của một số quốc gia như Pháp, Đức, Trung Quốc và Nga về biện pháp ĐTTTĐB, có thể thấy rằng mỗi quốc gia lại có những quy định hoàn toàn khác nhau về các biện pháp này, từ tên gọi, số lượng, cho đến những nội dung cụ thể về trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng, thời hạn áp dụng,... Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia đều đã ghi nhận các biện pháp này trong BLTTHS của mình, đã có những quy định mang tính hợp lý và tiến bộ, đáp ứng được những yêu cầu của các Công ước quốc tế; phù hợp với nhận thức, lý luận về biện pháp ĐTTTĐB mà Việt Nam có thể học hỏi và vận dụng vào quá trình lập pháp và áp dụng trong quá trình TTHS.

3.1. Quy định của Cộng hòa Pháp

- Về cơ sở pháp lý: các nhà làm luật Pháp không quy định biện pháp ĐTTTĐB ở một chương riêng mà quy định chung với các biện pháp điều tra khác tại Chương II Thiên XXV BLTTHS Pháp – Thủ tục áp dụng đối với tội phạm có tổ chức. Các biện pháp này bao gồm: theo dõi bí mật (Điều 706-80); xâm nhập bí mật (từ Điều 706-81

đến Điều 706-87); nghe lén thiết bị viễn thông (Điều 706-95); cài đặt thiết bị ghi âm và ghi hình tại một số địa điểm hoặc trong một số phương tiện đi lại (từ Điều 706-96 đến 706-102) [13].

- Về trường hợp áp dụng: một điểm đáng để học tập là Pháp đã quy định rõ trường hợp được áp dụng (đối với 15 loại tội phạm theo Điều 706-73 BLTTHS Pháp), cũng như trường hợp ngoại lệ không được áp dụng, là những trường hợp xâm phạm vào đường dây điện thoại của thành viên hạ viện, thượng viện, luật sư, thẩm phán, công tố viên tại Điều 100-7 BLTTHS Pháp. Đối với những trường hợp này thì phải thông báo trước cho thủ trưởng, cấp trên quản lý trực tiếp của các cơ quan mà các chủ thể đó tham gia thì mới có thể áp dụng được.

- Về thẩm quyền áp dụng: Tùy vào từng giai đoạn xử lý vụ án mà thẩm quyền áp dụng có thể thuộc về thẩm phán điều tra, thẩm phán phụ trách giam giữ quyết định theo yêu cầu của Công tố viên hoặc do chính Công tố viên giám sát, và giao việc thực hiện cho cán bộ cảnh sát, sau đó lập biên bản và thông báo kết quả thực hiện cho Thẩm phán.

- Về thời hạn áp dụng: Pháp cũng quy định thời hạn áp dụng đối với các biện pháp này tối đa là 4 tháng. Trong trường hợp cần gia hạn thì thời hạn có thể từ 01 tháng đến 04 tháng tùy vào từng biện pháp cụ thể.

3.2. Quy định của Cộng hòa Liên Bang Đức

Các nhà làm luật Đức sử dụng khái niệm “biện pháp điều tra bí mật” (undercover measures) và quy định các biện pháp

này ở chung một chương với các biện pháp điều tra giống như Pháp (Chương VIII BLTTHS Đức). Các biện pháp điều tra bí mật theo quy định của BLTTHS Đức bao gồm: trích xuất dữ liệu bí mật (Điều 98a); thu giữ bưu kiện bí mật (Điều 99); nghe điện thoại bí mật hoặc nghe lén thiết bị viễn thông bí mật (từ Điều 100a đến Điều 100f); ghi hình bí mật hoặc sử dụng thiết bị kỹ thuật phục vụ việc giám sát đối tượng (Điều 100h, 100i); điều tra viên bí mật (110a); Lưu trữ và đối chiếu dữ liệu tại các điểm kiểm soát (Điều 163d); theo dõi dài hạn (Điều 163f) [14].

Có thể thấy rằng Đức có một hệ thống quy định khá chi tiết và đa dạng về các biện pháp ĐTTTĐB. Tuy vào từng biện pháp cụ thể mà Bộ luật lại quy định riêng về trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng và thời hạn áp dụng khác nhau. Nhìn chung, các biện pháp này sẽ được áp dụng trong trường hợp cần điều tra các tội phạm nghiêm trọng liên quan đến buôn bán ma túy, vũ khí, tiền giả hoặc tội phạm liên quan đến an ninh quốc gia, thương mại, tội phạm băng nhóm mà việc sử dụng các biện pháp khác sẽ không có khả năng thành công hoặc gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, tại Điều 101 BLTTHS Đức cũng quy định rất chi tiết về thủ tục áp dụng chung cho các biện pháp điều tra bí mật này. Chẳng hạn như các quyết định và tài liệu liên quan sẽ phải được chuyển về cho văn phòng công tố. Các dữ liệu cá nhân thu thập được phải được phân loại và dán nhãn tương ứng. Đối với từng biện pháp khác nhau thì những người có liên quan sẽ được thông báo về

việc áp dụng, như là người tham gia giám sát thiết bị viện thông, người tham gia đánh giá dữ liệu cá nhân, người gửi và nhận bưu phẩm,... Tòa án có trách nhiệm xem xét tính hợp pháp của các biện pháp này, cũng như xem xét cách thức và phương tiện thực hiện.

3.3. Quy định của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

- Về cơ sở pháp lý: BLTTHS Trung Quốc không sử dụng khái niệm “biện pháp ĐTTTĐB” như Việt Nam mà lại dùng khái niệm “kỹ thuật điều tra đặc biệt” (Technical Investigation Measures), quy định tại Mục 8 Chương II của BLTTHS Trung Quốc, từ Điều 148 đến 152 [15]. Tuy nhiên, đây chỉ là những quy định chung về việc áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt, bao gồm trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng, thời hạn áp dụng. Còn các kỹ thuật cụ thể thì được quy định và hướng dẫn trong các văn bản dưới luật.

- Về trường hợp áp dụng: Điều 148 BLTTHS Trung Quốc quy định các kỹ thuật điều tra đặc biệt được áp dụng trong những trường hợp sau: (1) Để điều tra tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, khủng bố, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội phạm ma túy nghiêm trọng hoặc các vụ án khác ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn xã hội; (2) Để điều tra tội phạm tham ô, hối lộ nghiêm trọng hoặc các vụ án lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của công dân; (3) Trong trường hợp truy bắt bị can, bị cáo đang bị truy nã hoặc đã có phê chuẩn, quyết định bắt giam nhưng đang bỏ trốn.

- Về thẩm quyền áp dụng: căn cứ quy định tại Điều 148 BLTTHS Trung Quốc thì thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp thuộc về CQĐT. Riêng đối với tội tham ô, hối lộ nghiêm trọng hoặc các vụ án lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của công dân thì do Viện kiểm sát quyết định.

- Về thời hạn áp dụng: Điều 149, 150 BLTTHS Trung Quốc quy định thời hạn áp dụng là không quá 3 tháng, có thể gia hạn mỗi lần 3 tháng nếu vụ án phức tạp, đồng thời phải kịp thời xóa bỏ việc áp dụng kỹ thuật điều tra đặc biệt khi không còn cần thiết.

Một điểm tiến bộ đáng để học hỏi từ pháp luật TTHS của Trung Quốc đó là nước này đã quy định rất chặt chẽ về trách nhiệm giữ bí mật trong khi áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Tại Điều 150 BLTTHS Trung Quốc quy định các CQĐT phải giữ bí mật nhà nước, bí mật thương mại và bí mật riêng tư cá nhân trong quá trình thực hiện các kỹ thuật điều tra đặc biệt. Điều 151 còn quy định rõ những người có liên quan có thể che giấu danh tính của mình để tiến hành điều tra, nhưng họ không được phép xúi giục người khác phạm tội, cũng như không được áp dụng các phương pháp gây nguy hiểm đến an toàn công cộng hoặc gây ra mối đe dọa lớn đối với an toàn cá nhân. Đây là quy định hợp lý, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích đáng của các cá nhân, cơ quan, tổ chức khi bị áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt.

3.4. Quy định của Liên bang Nga

- Về cơ sở pháp lý: Pháp luật TTHS Nga

không có một hệ thống cụ thể về các biện pháp ĐTTTĐB mà tại Điều 186 BLTTHS Nga chỉ quy định về một biện pháp là “Giám sát và ghi âm các cuộc trao đổi điện thoại” [16]. Chính vì lý do đó, các nhà làm luật ở Nga đã quy định rất rõ ràng và chi tiết những nội dung cần thiết liên quan đến việc áp dụng biện pháp này.

- Về trường hợp áp dụng: Luật không giới hạn về loại tội phạm bị áp dụng mà quy định có thể áp dụng khi quy định chỉ có thể áp dụng khi có căn cứ nghi ngờ đối tượng phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

- Về thẩm quyền áp dụng: một điểm khác biệt đó là Nga quy định thẩm quyền áp dụng thuộc về Công tố viên, sau đó Công tố viên bàn giao hồ sơ lại cho Điều tra viên để thụ lý, giải quyết. Việc những thông tin, tài liệu thu được có được xem như là chứng cứ trong vụ án hay không lại do Tòa án quyết định, nếu như Tòa án có đủ cơ sở để xét thấy những thông tin, tài liệu đó có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Về thời hạn áp dụng: Khoản 5 Điều 186 BLTTHS Nga quy định rõ thời hạn áp dụng biện pháp ĐTTTĐB là 6 tháng, nhưng không được vượt quá thời hạn điều tra, truy tố. Đây là một quy định hợp lý mà Việt nam có thể học hỏi, bởi lẽ xét cho cùng, biện pháp ĐTTTĐB vẫn là biện pháp điều tra nên cần tuân thủ thời hạn điều tra để đảm bảo thời hạn, tránh làm quá trình điều tra kéo dài không cần thiết.

Nhìn chung, mỗi nước lại có một quy định khác nhau về biện pháp ĐTTTĐB nhưng hầu hết đều quy định chỉ được áp

dụng đối với những loại tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, nhạy cảm, tội phạm có tổ chức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự xã hội, an ninh quốc gia. Việc áp dụng biện pháp này chỉ trong trường hợp thật cần thiết khi người có thẩm quyền tố tụng cho rằng không còn cách nào khác có hiệu quả hơn để phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015

Nghiên cứu những quy định về biện pháp ĐTTTĐB trong BLTTHS năm 2015, có thể thấy rằng vẫn còn tồn tại một số nội dung chưa thực sự chặt chẽ, bộc lộ thiếu sót cần phải được bổ sung, hoàn thiện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB.

Như đã trình bày ở trên, để bảo tính thống nhất, hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp biện pháp ĐTTTĐB, có thể sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 225 BLTTHS năm 2015 theo hướng sau: “Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát **cùng cấp** có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB”; và bổ sung thêm đoạn sau: “Thủ trưởng CQĐT Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, CQĐT Viện kiểm sát quân sự Trung ương có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB đối với việc điều tra tội tương ứng với thẩm quyền điều tra tại Khoản 3 Điều 163 Bộ luật này”.

Thứ hai, về thời gian phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB của

Viện kiểm sát.

Để đảm bảo tính chặt chẽ trước khi thi hành biện pháp ĐTTTĐB, Khoản 3 Điều 225 BLTTHS năm 2015 đã quy định rằng quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB chỉ được thi hành khi có được sự phê chuẩn của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp. Tuy nhiên, Bộ luật lại chưa quy định cụ thể về thời gian phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân cùng cấp với CQĐT ra quyết định. Do đó, theo ý kiến của tác giả, cần bổ sung thêm nội dung xác định thời gian phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB của Viện kiểm sát là 12 giờ.

Một điểm vướng mắc nữa là trong trường hợp nếu như Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, Thủ trưởng CQĐT cấp quân khu trở lên ra quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, thì có cần phải phê chuẩn nữa hay không? Nếu như không phê chuẩn thì sẽ không tuân thủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 225 BLTTHS năm 2015, còn nếu như Thủ trưởng CQĐT vẫn phải gửi các quyết định áp dụng cho Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn sẽ làm cho thủ tục tố tụng trở nên rườm rà, tốn thời gian. Vì vậy, theo tác giả, để đảm bảo tính khẩn trương, cấp thiết trong thi hành quyết định thì đối với những trường hợp này Thủ trưởng CQĐT không cần phải gửi cho Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn, nhưng nội dung này phải được quy định rõ trong Bộ luật.

Như vậy, Khoản 3 Điều 225 BLTTHS

năm 2015 nên được chỉnh sửa lại theo hướng sau: “Quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, ***thời hạn phê chuẩn trong vòng 12 giờ, tính từ lúc Viện trưởng Viện kiểm sát nhận được đề nghị phê chuẩn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định. Trong trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ĐTTTĐT thì không cần phải phê chuẩn nữa.*** Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp này, kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ nếu xét thấy không còn cần thiết”.

Thứ ba, về trách nhiệm của các chủ thể tiến hành áp dụng biện pháp ĐTTTĐB.

Tại Khoản 4 Điều 225 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định: “Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB phải giữ bí mật”. Tuy nhiên, điều luật là chưa quy định rõ ràng về những nội dung mà các chủ thể trên phải giữ bí mật là gì. Theo quan điểm của tác giả, các nhà làm luật Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của pháp luật TTHS Trung Quốc về vấn đề này khi quy định cụ thể về nội dung “giữ bí mật”, bao gồm: bí mật về việc áp dụng, bí mật nhà nước, bí mật riêng tư cá nhân, bí mật hoạt động của cơ quan, tổ chức bị áp dụng. Bên cạnh việc quy định trách nhiệm giữ bí mật, cần quy định thêm rằng các chủ thể nêu trên cần phải có trách nhiệm hợp tác và bảo mật của các cá nhân, tổ chức có

liên quan.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 quy định về trách nhiệm của người thi hành quyết định áp dụng biện pháp ĐTTTĐB nhưng lại chưa đề cập tới nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của điều tra viên, kiểm sát viên trực tiếp điều tra, kiểm sát điều tra trong vụ án khi áp dụng biện pháp ĐTTTĐB. Vì vậy, cần quy định thêm về vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm của Điều tra viên thụ lý vụ án hình sự, kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát vụ án hình sự trong việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB.

Từ đó, tác giả đề xuất bổ sung thêm Khoản 4 Điều 225 BLTTHS 2015 cụm từ: "... phải giữ bí mật Nhà nước, bí mật thương mại và bí mật riêng tư cá nhân". Đồng thời, cần bổ sung thêm điều luật sau: "Điều... Nhiệm vụ, trách nhiệm của người thực hiện biện pháp ĐTTTĐB", trong đó nêu rõ vai trò, nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của các Điều tra viên thụ lý vụ án hình sự, kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát vụ án hình sự trong việc áp dụng biện pháp ĐTTTĐB.

Thứ tư, về việc sử dụng kết quả thu thập được bằng biện pháp ĐTTTĐB. Cần bổ sung thêm điều khoản tại Điều 227

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Quang Phúc, *Tìm hiểu quy định trong BLTTHS năm 2015 về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Những điểm mới của BLTTHS 2015, Khoa Luật Hình sự, Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh, tháng 4/2016, tr. 57.
- [2] Phan Văn Chánh, *Khái niệm và một số vấn đề về áp dụng các biện pháp ĐTTTĐB trong TTHS Việt Nam*, Tạp

chí Nhà nước và pháp luật, số 04/2017.

BLTTHS năm 2015 như sau: "Trường hợp việc sử dụng chứng cứ có ảnh hưởng đến an toàn của người có liên quan hoặc có thể phát sinh hậu quả nghiêm trọng khác thì có thể áp dụng biện pháp không làm lộ thân phận của người có liên quan, biện pháp bảo vệ đặc biệt và khi cần thiết, có thể đề nghị thẩm phán đối chiếu xác thực chứng cứ bên ngoài phiên tòa". Bên cạnh đó, cần quy định rõ trách nhiệm của những chủ thể áp dụng biện pháp ĐTTTĐB trong trường hợp sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.

Tóm lại, có thể xem những quy định của BLTTHS năm 2015 về các biện pháp ĐTTTĐB là một bước phát triển đáng ghi nhận trong hoạt động tư pháp. Việc sửa đổi, bổ sung những quy định này theo những kiến nghị nêu trên là rất cần thiết, phù hợp với quy định của các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia cũng như đáp ứng những đòi hỏi của tình hình và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay./.

- [3] Lê Huỳnh Tấn Duy, *Biện pháp ĐTTTĐB trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về các tội phạm tham nhũng*, Tạp chí Khoa học pháp Lý, số 08(129)/2019.
- [4] *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Thanh niên, tr.301, năm 2011.
- [5] Điều 224 BLTTHS năm 2015.
- [6] Điểm b Khoản 1 Điều 13 quy định Cơ

- quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được “áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trình sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy”.
- [7] Khoản 7 Điều 3 giải thích: “Biện pháp nghiệp vụ là biện pháp công tác của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật”. Điểm a khoản 1 Điều 24 cho phép cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia được quyền “sử dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật”.
- [8] Khoản 7 Điều 3, khoản 6 Điều 14. Hiện nay đã được thay thế bởi Luật Công an nhân dân năm 2018.
- [9] Khoản 2 Điều 28 quy định: “Lực lượng chống khủng bố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật này có trách nhiệm triển khai các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật để phát hiện khủng bố...”.
- [10] Điều 232 BLTTHS năm 2015.
- [11] Phan Văn Chánh, *Một số vấn đề về các biện pháp ĐTTTĐB trong BLTTHS năm 2015*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 06, 2016.
- [12] Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, *Chuyên đề Quy định về biện pháp ĐTTTĐB; việc ghi âm, ghi hình có âm thanh theo quy định của BLTTHS năm 2015 và những vấn đề cần lưu ý khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát*, <http://vksbacgiang.gov.vn/baiviet/71/7489>, truy cập ngày 21/08/2020.
- [13] BLTTHS Pháp. <https://www.legislationline.org/documents/action/popup/id/8891>, truy cập 21/08/2020.
- [14] Điều 101 BLTTHS Cộng hoà Liên bang Đức, https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_stpo/englisch_stpo.html, truy cập 21/08/2020.
- [15] BLTTHS Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, <https://www.chinalawtranslate.com/en/criminal-procedure-law/>, truy cập 21/08/2020.
- [16] BLTTHS Liên Bang Nga, <https://www.wipo.int/edocs/lexdocs/laws/en/ru/ru065en.pdf>, truy cập 21/08/2020.

Ngày nhận bài: 19/5/2022

Ngày hoàn thành sửa bài: 30/7/2022

Ngày chấp nhận đăng: 05/8/2022